

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BÀ RỊA  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/DS-ST

Ngày: 31- 8 - 2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- ***Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Thương

- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Ông Đặng Văn Đê

2. Bà Lê Thị Quỳnh Nga

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Anh Dũng – Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án thụ lý số 68/2020/TLST-DS ngày 08-5-2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/QĐST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1954 (vắng mặt);

HKTT: C56 đường N, phường C, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 11/13 đường D, phường K, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ:*** Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1986 (có mặt);

Địa chỉ: Số 74/25 đường Q, phường 10, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. ***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1955 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 11, ấp B, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

3. ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*** Ông La Quốc C, sinh năm 1958 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Số 11/13 đường D, phường C, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. ***Người tham gia tố tụng khác:***

***Người làm chứng:*** Bà Trang Thu L, sinh năm 1956 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

HKTT: Số 258/25 đường T, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: C56 Đường N, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*[1] Nguyên đơn bà Bùi Thị Đ do ông Nguyễn Thành T trình bày và xác định yêu cầu khởi kiện như sau:*

Bà Bùi Thị Đ và bà Nguyễn Thị G không có mối quan hệ gì. Bà Đ quen biết bà G thông qua sự giới thiệu của bà Trang Thu L.

Do nhu cầu cần tiền nên bà G hỏi vay của bà L số tiền 300.000.000 đồng. Bà L không có khoản tiền này nên giới thiệu bà Đ cho bà G vay.

Ngày 30-6-2011, tại nhà bà L, bà Đ giao đủ một lần tiền 300.000.000 đồng cho bà G có sự chứng kiến của bà L. Chính bà G là người lập “giấy mượn tiền” ngày 30-6-2011, sau đó ký ghi rõ họ tên vào. Theo thỏa thuận của hai bên thì thời hạn vay là 30 ngày kể từ ngày vay, hai bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay nhưng nay bà Đ không nhớ cụ thể.

Từ ngày vay đến nay bà G không trả cho bà Đ bất cứ khoản tiền gốc và lãi nào. Bà Đ nhiều lần điện thoại nhắc nhở, yêu cầu bà G thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà G vẫn không thực hiện. Do vậy bà Bùi Thị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị G phải trả lại cho bà Đ số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và khoản tiền lãi 360.000.000 đồng được tính dựa trên nợ gốc quá hạn tính từ ngày 01-8-2011 đến ngày 31-10-2019 theo điểm b Khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Ngày 23-7-2020, bà Đ có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về khoản tiền lãi, chỉ yêu cầu bà G trả lại khoản tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng.

*[2] Bị đơn bà Nguyễn Thị G:* Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng, yêu cầu bà G tham gia làm việc và tham gia phiên tòa xét xử nhưng bà G vẫn vắng mặt không có lý do.

*[3] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông La Quốc C trình bày:* Ông và bà Bùi Thị Đ chung sống như vợ chồng từ năm 1990.

Ông không biết, không tham gia, không liên quan vào giao dịch vay tiền giữa bà Đ và bà Nguyễn Thị G, theo “giấy mượn tiền” ngày 30-6-2011. Số tiền 300.000.000 đồng bà Đ cho bà G vay là tiền cá nhân của bà Đ, không liên quan đến ông. Ông hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đ. Mọi quyền lợi liên quan đến số tiền nêu trên là của bà Đ. Trong vụ án này ông không có bất cứ tranh chấp yêu cầu gì và đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông.

*[4] Người làm chứng bà Trang Thu L trình bày:* Bà L thừa nhận toàn bộ lời trình bày của nguyên đơn bà Bùi Thị Đ cùng người đại diện theo ủy quyền của bà Đ. Bà đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà.

*[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:*

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng thì thấy:

### *Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn khoản tiền nợ vay cùng tiền lãi kèm theo. Bị đơn cư trú tại thành phố Bà Rịa, nên Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định. Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

### *Về nội dung vụ án:*

Nguyên đơn khởi kiện với hai yêu cầu là khoản tiền nợ gốc và tiền lãi trên số tiền vay. Ngày 23-7-2020, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về khoản tiền lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện này. Đối với khoản tiền nợ gốc thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu.

Về án phí: Bị đơn chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Qua nghiên cứu các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:*

#### **-Về thủ tục tố tụng:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà Bùi Thị Đ có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị G phải trả lại cho bà Đ khoản tiền nợ vay 300.000.000 đồng và tiền lãi kèm theo, theo “giấy mượn tiền” ngày 30-6-2011.

Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Đ và bị đơn bà G được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Bà Rịa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo quy định tại Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị G đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông La Quốc C; người làm chứng bà Trang Thu L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy Tòa án xét xử vắng mặt bà G, ông Cường và bà L theo quy định tại Điều 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

#### **- Về nội dung tranh chấp:**

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Đ:

[2.1] Đối với yêu cầu về khoản tiền nợ gốc:

Căn cứ vào “giấy mượn tiền” ngày 30-6-2011 có xác nhận của bà Nguyễn Thị G cũng như sự xác định của nguyên đơn bà Bùi Thị Đ và người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thành T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa; căn cứ vào lời khai của người làm chứng là bà Trang Thu L thì có đủ cơ sở xác định ngày 30-6-2011, bà Đ có cho bà G vay số tiền 300.000.000 đồng với thời hạn vay là 30 ngày tính từ ngày vay. Quá trình từ ngày bà Đ cho bà G vay tiền đến nay bà G vẫn chưa trả lại cho bà Đ số tiền này. Nay bà Đ khởi kiện yêu cầu bà G phải trả lại số tiền 300.000.000 đồng cho bà Đ là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Bà G mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia làm việc và phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của bà.

[2.2] Đối với yêu cầu về khoản tiền lãi:

Tại đơn khởi kiện bà Đ yêu cầu bà G phải trả khoản tiền lãi 360.000.000 đồng được tính dựa trên nợ gốc quá hạn tính từ ngày 01-8-2011 đến ngày 31-10-2019 theo điểm b Khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Ngày 23-7-2020, bà Đ có đơn rút phần yêu cầu khởi kiện về khoản tiền lãi, nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện này của bà Đ.

[3] Trong vụ án này không có yêu cầu phản tố của bị đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[4] Về án phí:

Bà Nguyễn Thị G phải chịu án phí cho yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Đ được Tòa án chấp nhận

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; điểm c Khoản 1 Điều 217; Điều 227, 228, 229 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Căn cứ các Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Đ đối với bị đơn bà Nguyễn Thị G về yêu cầu trả khoản tiền lãi.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Đ đối với bà Nguyễn Thị G về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị G có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị Đ số tiền nợ vay 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, theo “giấy mượn tiền” ngày 30-6-2011.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.*

3. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị G phải chịu án phí 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31-8-2020) các đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

*“Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”*

**Nơi nhận :**

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Bà Rịa;
- Chi cục THADS TP. Bà Rịa;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
(Đã ký)

**Bùi Thị Thương**